

Phương pháp viết tiếng Việt bằng chữ Tengwar

Laicasaane

2016 - 2018

h̄c̄ca h̄p̄ h̄c̄p̄ p̄c̄ca h̄c̄p̄

h̄c̄c̄i h̄i p̄c̄āt̄īy

Ṭ̄āc̄īḡ̄īm̄i

Mục lục

Lời nói đầu.....	4
Tổng quan về phương pháp viết.....	4
Tên gọi và kí hiệu.....	4
Cấu trúc âm tiết.....	5
Phụ âm.....	5
Nhóm có quy tắc.....	6
Nhóm bất quy tắc.....	6
Các lưu ý khác.....	6
Nguyên âm nòng cốt.....	7
Nguyên âm đơn.....	7
Nguyên âm đôi.....	8
Âm đệm.....	9
Nguyên âm đóng.....	9
Nguyên âm đôi đóng.....	9
Nguyên âm ba đóng.....	9
Thanh điệu.....	10
Phụ âm đầu tròn môi.....	11
Âm zero.....	12
Phụ âm đóng.....	13
Dấu câu.....	14
Chữ số.....	15
Ghi ngôn ngữ khác.....	16
Ghi nguyên văn.....	16
Ghi phiên âm.....	16
Một số ví dụ khác.....	18
Đích thực là vàng thời không lấp lánh.....	18
Bài ca của Bregalad.....	19
Bài ca của Galadriel.....	20
Bài ca Namárië.....	21
Về font chữ và phần mềm.....	22
Tham khảo.....	22

Lời nói đầu

Tengwar là một bộ chữ viết do J. R. R. Tolkien sáng tạo. Ban đầu, bộ chữ này được dùng để viết các ngôn ngữ trong hệ truyền thuyết của ông như Quenya, Sindarin, Ngôn Ngữ Đen. Về sau ông cũng tạo ra phương pháp viết cho tiếng Anh. Một số ngôn ngữ khác trên thế giới dần cũng có phương pháp viết riêng, trong đó có tiếng Việt của chúng ta.

Quá trình tạo ra phương pháp viết cho tiếng Việt đã gặp phải một số khó khăn nhất định. Cho nên dù công trình này đã được công bố trên trang *Taulë Ardaranyessë* vào tháng Mười năm 2013 nhưng qua nhiều lần chỉnh lí đến nay mới có thể xem là hoàn tất. Thực ra tôi cũng xem đây là một cơ hội tốt để viết lại tài liệu theo một cấu trúc mới cùng cách thức mô tả vấn đề ngắn gọn, súc tích hơn nhằm giúp người đọc không bị rối trí, có thể nắm bắt phương pháp viết này dễ dàng hơn.

Tài liệu này trình bày đầy đủ các quy tắc cơ bản cần nắm khi viết tiếng Việt bằng chữ Tengwar. Nếu trong tương lai tài liệu này có được cập nhật [bởi chính tôi] thì cũng chỉ là sửa chính tả hoặc bổ sung thêm chứ không thay đổi các quy tắc đã lập nhằm đảm bảo sự nhất quán.

Tổng quan về phương pháp viết

Phương pháp viết cho tiếng Việt được phát triển dựa trên *phương pháp viết cho Quenya*: lấy cơ sở ngữ âm học của ngôn ngữ để thiết kế chữ viết và các quy tắc viết.

Mục tiêu của *phương pháp ngữ âm* chính là cố gắng giữ tham chiếu 1:1 giữa âm thanh và chữ viết: mỗi âm thanh chỉ được ghi bằng một con chữ, mỗi con chữ chỉ thể hiện một âm. Tuy nhiên vì tiếng Việt có nhiều nguyên âm trong khi số kí tự Tengwar lại hạn chế nên có một trường hợp vi phạm quy tắc 1:1 này. Trường hợp đó sẽ được bàn kĩ hơn trong phần *Nguyên âm đôi*.

Tên gọi và kí hiệu

- Chữ *tengwa* (số nhiều: *tengwar*) dùng để chỉ chữ ghi phụ âm, âm đệm hoặc chữ số.
- Chữ *tehta* (số nhiều: *tehtar*) dùng để chỉ kí hiệu (dấu) ghi bên trên và/ hoặc bên dưới *tengwa*. Ở đây, các nguyên âm, thanh điệu và dấu phụ đều là dấu *tehta*.
- Dấu < > dùng ghi chữ Quốc ngữ hiện hành hoặc các chữ La tinh khác.
- Dấu [] dùng ghi kí hiệu phiên âm quốc tế (IPA).
- Dấu - để chỉ vị trí nối chữ.

Cấu trúc âm tiết

Â.T. = {(PHỤ ÂM ĐẦU) + [DẤU TRÒN MÔI]} + {(NGUYÊN ÂM) + [DẤU THANH] + [PHỤ ÂM CUỐI]}

Các phần trong cặp ngoặc vuông [...] đều là những thành tố tùy ý. Tuy vậy có một quy tắc cho biết khi nào thì một *nguyên âm* không đi với *phụ âm cuối*, sẽ được nói đến trong mục *Nguyên âm ghép*. Ngoài ra, *phụ âm đầu* là một thành tố luôn có mặt trong mọi *âm tiết*, thậm chí ở những chữ như *ong, yêu, ăn...* Chi tiết về vấn đề này sẽ được trình bày trong mục *Âm zero*.

Phương pháp này nhóm *nguyên âm, dấu thanh* và *phụ âm cuối* thành một tổ hợp dựa trên quan điểm về *vần* trong tiếng Việt. Vì vậy dấu *tehta* của nguyên âm và thanh điệu được viết trên chữ *tengwa* phía sau thay vì chữ phía trước như trong *phương pháp Quenya*. Cách viết cụ thể cho nhiều trường hợp cùng ví dụ đi kèm sẽ được trình bày ở phần *Nguyên âm* và *Thanh điệu*.

Phụ âm

	I			II			III			IV		
1	ɸ	t	T	ɸ	p	P	ɸ	k	C, K, Q	ɸ	k ^p k ^w	-C
2	ɸ	ɖ	Đ	ɸ	ɓ	B	ɸ	g	G	ɸ		
3	ɸ	c	CH, TR	ɸ	f	PH	ɸ	x	KH	ɸ		
4	ɸ			ɸ	v	V	ɸ	y	G, GH	ɸ		
5	ɸ	t ^h	TH	ɸ	p ^h	PH	ɸ	k ^h	KH	ɸ		
6	ɸ			ɸ			ɸ			ɸ		
7	ɸ	n	N	ɸ	m	M	ɸ	ŋ	NG, NGH	ɸ	ŋ ^m ŋ ^w	-NG
8	ɸ	ɲ	NH	ɸ			ɸ	j	D, GI, V	ɸ	w	W
9	ɸ	ɹ	R	ɸ	r	R	ɸ	l	L	ɸ	tʂ	TR
10	ɸ	s	X, S	ɸ	ʂ	S	ɸ	z	D, GI, R	ɸ	ʂ	R
11	ɸ	h	H	ɸ	ʔ							

Chú thích

- Các kí tự *tengwar* dùng trong phương pháp này.
- Phiên âm theo IPA (Hệ thống kí âm quốc tế).
- Các chữ cần lưu ý vì lí do lịch sử hoặc để làm rõ âm (trình bày cụ thể bên dưới).
- Các chữ có trong bảng Tengwar chuẩn nhưng không sử dụng cho tiếng Việt.

Các phụ âm trong bảng trên được trình bày theo hình thức tiêu chuẩn ghi trong Phụ Lục E^[1]. Tuy có thể gây khó khăn cho người mới tiếp cận nhưng cách trình bày này thể hiện rõ các đặc trưng của bộ chữ Tengwar.

Bảng này gồm hai phần: *nhóm có quy tắc* (dòng 1 – 8) và *nhóm bất quy tắc* (dòng 9 – 11).

Nhóm có quy tắc

- Các kí tự nhóm này đều được cấu tạo bởi thân *telco* và cung *lúva*. Dòng 1 được xem là tiêu chuẩn cho các dòng bên dưới.
- Kí tự có thân cơ bản và một cung thể hiện âm vô thanh: dòng 1, 3, 5.
- Kí tự có thân cơ bản và hai cung kép thể hiện âm hữu thanh: dòng 2, 4.
- Thân nhô lên thể hiện âm xát: dòng 3, 4.
- Thân mở rộng thể hiện âm bật hơi: dòng 5.
- Thân ngắn hai cung thể hiện âm mũi: dòng 7.
- Thân ngắn một cung thể hiện âm yếu: dòng 8.

Nhóm bất quy tắc

- Thêm một nét nhỏ để chuyển [ɹ] yếu (I-9) thành [r] rung lưỡi (II-9).
- ⟨TR⟩ có nguồn gốc từ ⟨BL⟩ và ⟨TL⟩^[2] trong tiếng Việt xưa nên dùng chữ *tengwa* có hình dáng tương đồng với ⟨L⟩ nhằm biểu thị quan hệ lịch sử.
- [z], [z̥] lần lượt là âm hữu thanh của [s] và [s̥] nên dùng quy tắc cung kép.
- [s̥] và [z̥] gọi là *âm quặt lưỡi* (lưỡi cong lên, uốn vào trong vòm miệng) nên dùng dạng nghịch đảo của [s] và [z].

Các lưu ý khác

- Trong tiếng Việt, ⟨G⟩ [ɣ] (III-4) là một âm xát nhẹ. Âm [g] (III-2) vốn không tồn tại trong ngôn ngữ nói, nhưng vì nhu cầu ghi tiếng nước ngoài mà chữ này được thêm vào.
- Âm [p^h] (II-5) có tồn tại trong tiếng Việt xưa nhưng nay đã chuyển thành [f] (II-3).
- Âm bật hơi [k^h] (III-5) là một biến thể của âm xát ⟨KH⟩ (III-3), tuy rất hiếm gặp. Nên dùng III-3 trong đa số trường hợp.
- ⟨D⟩ [j] (III-8) và ⟨QU⟩ [w] (IV-8) là các âm yếu chỉ xuất hiện trong phương ngữ Nam.

- ⟨R⟩ [z] (IV-10) chỉ xuất hiện trong phương ngữ Bắc, chủ yếu là ở các từ mượn.
- Hai kí tự ⟨-C⟩ (IV-1) và ⟨-NG⟩ (IV-7) chỉ tồn tại ở vị trí *phụ âm cuối* và chỉ theo sau các nguyên âm tròn môi ⟨O⟩, ⟨Ô⟩, ⟨U⟩.
- Kí tự II-11 ghi *âm zero*. Âm này không được kí âm trong chữ Quốc ngữ nhưng có tồn tại trong ngôn ngữ nói.

Nguyên âm nòng cốt

Nhóm này gồm 11 *nguyên âm đơn* và 3 *nguyên âm đôi*. Đây là các nguyên âm vừa có thể đứng riêng, vừa có thể kết hợp với *phụ âm cuối* hoặc *âm đệm* để tạo thành *vần*.

Nguyên âm đơn

Trường độ cực ngắn	◌̊	ă	Ă
	◌̋	ặ	Â
Trường độ thông thường	◌̄	a	A
	◌̄̆	ɔ	Ơ
	◌̄̈	ɛ	E
	◌̄̉	e	Ê
	◌̄̊	i	I/Y
	◌̄̋	u	Ư
	◌̄̌	ɔ	O
	◌̄̍	o	Ô
	◌̄̎	u	U
DẤU CHỖ	◌̄̇		(ngắn)
	◌̄̈́		(dài)

Ghi chú: Dấu chỏ dài sẽ được nói đến trong mục *Ngôn ngữ khác*.

Nguyên âm đơn khi đứng độc lập (như *a, ê*), hoặc đứng cuối từ (như *thơ, ca*) thì *dấu tehta* của nguyên âm đó được ghi phía trên *dấu chỏ ngắn*.

a	a	â
thơ	t ^h ɣ	ʰt̪
ca	ka	ç̪

Khi có *phụ âm cuối* theo sau, *dấu tehta* được ghi bên trên phụ âm này thay vì dấu chỏ.

anh	aŋ	ã
kem	kɛm	ç̪m̩
tan	tan	ɲã

Nguyên âm đôi

IÊ-/ YÊ-/ IA/ YA	ƯƠ-/ ƯA	UÔ-/ UA
ie~iɣ	uɣ	uo~uɣ
ê	ë	ǔ

Vì giới hạn của bộ chữ, cũng như việc các âm [e] và [o] là biến thể của [ɣ] trong phương ngữ Bắc nên cả 3 *nguyên âm đôi* này đều dùng chung một kí tự *tengwa* thể hiện âm cuối. Như đã nêu từ trước, đây có thể xem là điểm duy nhất vi phạm nguyên tắc ngữ âm học của phương pháp này.

Khác với các *nguyên âm đơn*, ba nguyên âm này luôn được viết thành một khối như trong bảng trên, dù có *phụ âm cuối* theo sau hay không.

chia	çiɣ	h̩ç
tiên	tien	ɲç̪m̩
thương	t ^h uɣŋ	ʰt̪ç̪ca
xưa	suɣ	ʂ̪ç̪
chuông	cuoŋ	h̩ç̪
đua	ɗuɣ	ɲç̪

Âm đệm

-I/ -Y	-U
ɪ	ʊ
ɰ	o

Nguyên âm đóng

Trong tiếng Việt, khi các *nguyên âm nòng cốt* kết hợp với 2 *âm đệm* trên sẽ tạo thành *nguyên âm đóng*. Những *nguyên âm đóng* này **không thể** có *phụ âm cuối* theo sau.

Nguyên âm đôi đóng

	A	Ă	Ơ	Â	E	Ê	I	Ư	O	Ô	U
	AI	AY	OI	ÂY				UI	OI	ÔI	UI
ɪ	aɪ	ăɪ	ɔɪ	ɰɪ				uɪ	ɔɪ	oɪ	uɪ
ɰ	â	ă	ơ	ɰ				ư	o	ô	u
	AO	AU		ÂU	EO	ÊU	IU	ƯU			
ʊ	aʊ	ăʊ		ɰʊ	eʊ	eʊ	iʊ	uʊ			
o	ô	ố		ố	ò	ó	ò	ö			

Nguyên âm ba đóng

	IÊ-/ YÊ-	ƯƠ-	ƯÔ-
		ƯƠI	ƯÔI
ɪ		uɔɪ	uoɪ~uɰɪ
ɰ		ɰ	ɰ
	IÊU/ YÊU	ƯƠU	
ʊ	ieʊ~iɰʊ	uɔʊ	
o	ô	ô	

eo ơi	eu ɔi	ò ɔ̃
thêu tay	t ^h eu tãi	ʃó pɔ̃
yêu ai	ieu ai	éó ɔ̃
đăm chiêu	ɗam ciəu	ɲə̃ hɛó
ngôi sao	ŋoi saó	caɔ ɔ̃
đuôi hươu	ɗuoi huəu	ɲɛɔ lɛó

Thanh điệu

HUYỀN	SẮC	HỎI	NGÃ	NẶNG
ˊ	ˋ	ˉ	ˊ	ˋ
◌̊	◌̋	◌̌	◌̍	◌̎

Dấu thanh được viết bên dưới bất kì kí tự *tengwa* nào mang dấu *tehta* nguyên âm.

lá úa	la' ua'	ᵊᵊ̊
vàng nhạt	vaň` nať	ᵊᵊ̋ᵊ̋
xám xịt	sam' siť	ᵊᵊ̌ᵊ̌
sáo trúc	saó' ťsuk'	ɔ̃ᵊ̌ ᵊᵊ̌
buồn rầu	buon` řəu'	ɲɛ̃ᵊ̌ ɲᵊ̌
tuổi nhỏ	tuoi' ɲó'	ɲɛ̃ɔ̃ ɲᵊ̌
nhạt nhẽo	nať ɲẽu'	ɲᵊ̌ ɲᵊ̌

Phụ âm đầu tròn môi

Các từ như *hoa, đoan, quà, quý/quí, thúy, xuân, quận, thuyền, chuyện, thuê, khoẻ/ khỏe*,... đều có *phụ âm đầu tròn môi* tức là môi chụm tròn trước khi âm thanh được phát ra.

Với chữ Quốc ngữ, người ta hay nghĩ rằng các từ trên có *nguyên âm đôi* ⟨OA⟩, ⟨UY⟩, ⟨UÂ⟩, ⟨UÊ⟩, ⟨OE⟩ hoặc *nguyên âm ba* ⟨UYÊ⟩. Tuy nhiên theo *ngữ âm học*, nguyên âm của các từ này lần lượt là:

A	hoa, đoan, quà
Y/ I	quý (quí), thúy
Â	xuân, quận
Ê	thuê, khuê
E	khoẻ, xoẻ
YÊ	thuyền, chuyện

Khi viết các từ này, ta ghi một *dấu ngang* bên dưới *phụ âm đầu* để biểu thị sự *tròn môi*.

hoa	h ^w a	ḥi
đoan	d ^w an	ḍḥḥ
quà	k ^w a`	ḑi
quý/ quí	k ^w i`	ḑi
thúy	t ^{hw} i [?]	ḥj
xuân	s ^w ḥn	ḥḥ
quận	k ^w ḥn _v	ḑḥḥ
thuê	t ^{hw} e	ḥi
khoẻ/ khỏe	x ^w ε [?]	ḑj
thuyền	t ^{hw} ien`	ḥḑm
chuyện	c ^w ien _v	ḥḑm

Có thể thay dấu ngang bằng dấu ba chấm.

oán ʔ^wan' ʔ^waṇ

Lưu ý: Phụ âm đầu trong các từ như *chùa, đũa, cua, cú, cuối, luống,...* **không** tròn môi. Bởi nguyên âm chính của các từ này là ⟨UA⟩, ⟨UI⟩, ⟨UÔI⟩ và ⟨UÔ-⟩.

chùa	cuaʔ'	hɛ̣
đũa	ɗua	ɗɛ̣
cua	kuʔ	qɛ̣
cú	kụ'	qɛ̣̃
cúi	kuọ'	qɛ̣̃ɛ̣
luống	luọŋ'	ɬɛ̣ca

Âm zero

Chữ Quốc ngữ không có kí tự nào để ghi *âm zero* (hay *âm tắc thanh hầu*) nên người ta thường hiểu lầm rằng có những từ không có *phụ âm đầu*. Trên thực tế các từ đó có *âm zero* ở vị trí *phụ âm đầu*. Phương pháp này cho phép người viết ghi *âm zero* hoặc không tùy theo ý thích. Nhưng dù chọn lối viết nào cũng cần tuân theo quy tắc sau:

- **Viết tường minh:** ghi kí tự *âm zero* [ʔ] (II-10) vào vị trí *phụ âm đầu* của từ. Nếu có tròn môi thì *dấu tròn môi* viết bên dưới *âm zero*.
- **Viết rút gọn:** bỏ trống vị trí *phụ âm đầu*. Tuy nhiên, nếu từ có âm tròn môi thì phải viết âm đệm môi [ɸ] vào vị trí *phụ âm đầu*.

TƯỜNG MINH		RÚT GỌN	
én	uyên	én	uyên
ʔɛn'	ʔ ^w ien	ɛn'	ɸien
hə̣	ɬɛ̣m / ɬɛ̣ṃ	hə̣	oɬɛ̣m

Phụ âm đóng

Chữ Quốc ngữ có dùng chữ ⟨OO⟩ và ⟨OONG⟩ để ghi các từ mượn như *xoong*, *thoòng*, *voọc*... Người ta thường nghĩ ⟨OO⟩ là một nguyên âm riêng biệt. Trên thực tế nó có cùng giá trị âm với ⟨O⟩: cả hai đều đọc là [ɔ]. Cái làm các vần trên khác với ⟨OC⟩ và ⟨ONG⟩ chính là *phụ âm cuối*. Ví dụ dưới đây cho thấy rõ điểm giống và khác dựa trên kí âm IPA.

xong	sɔŋ ^m	𑜇𑜂𑜫
vọc	vɔk ^p _↓	𑜇𑜂𑜫
xoong	sɔŋ	𑜇𑜂𑜫
voọc	vɔk _↓	𑜇𑜂𑜫
lục	luk ^p _↓	𑜇𑜂𑜫
đồng	ɗoŋ ^m _˘	𑜇𑜂𑜫
làng	laŋ _˘	𑜇𑜂𑜫
thác	t ^h ak _˘	𑜇𑜂𑜫

Dấu câu

CHỨC NĂNG		TƯƠNG ĐỒNG VỚI QUỐC NGỮ HOẶC CÓ Ý NGHĨA KHÁC
Cảm thán	¡	!
Nghi vấn	?	?
Nghỉ ngắn	,	,
Ngắt câu	.	.
Chấm lửng
Giải thích, thuyết minh	:	:
Ngoặc tròn	()	() [] {}
Phân tách vế câu	;	;
Kết thúc đoạn văn	¶ ¶ ¶	Không có tương đương trong Quốc ngữ. Dùng khi cần báo hiệu kết thúc một đoạn văn.
Dấu ngang	~	-
	~	Dấu kết hợp này có thể dùng làm <i>dấu kết thúc đoạn</i> .
Nối chữ	·	Ví dụ: quốc-tế, pê-đan
Dấu đôi ngang	≈	=
Trích dẫn	" "	Dùng khi trích dẫn một từ, cụm từ.
	» «	Dùng khi trích dẫn một vế câu, một câu hoặc một đoạn văn bản.

Chú ý: Ngoại trừ *dấu nối chữ* thì các dấu câu khác đều phải có 01 khoảng trắng giữa chính nó và con chữ.

Chữ số

0	၀	5	၅
1	၁	6	၆
2	၂	7	၇
3	၃	8	၈
4	၄	9	၉

Về cơ bản các con số được viết theo quy tắc chữ Quốc ngữ: từ trái sang phải; chữ số cuối cùng bên phải là số hàng đơn vị. Tuy nhiên, với các số thập phân, số âm thì tôi đề xuất một số quy tắc sau.

Số nguyên dương	2016	၂၀၁၆
Số thập phân (dùng dấu phân tách để ghi liền chữ số)	3,1415	၃:၁၄၁၅
Nhóm các chữ số (dùng dấu nối chữ ghi liền chữ số)	1.050.200	၁.၀၅၀.၂၀၀
Số âm (ghi dấu chớ dài liền trước chữ số)	-1973	၁၉၇၃
	-0,14	၀:၁၄
	-98,002.756	၉၈:၀၀၂:၇၅၆

Lưu ý: các quy tắc về số này chưa từng xuất hiện trong các phương pháp viết khác.

Bài ca Namárië

J. R. R. Tolkien dịch tiếng Anh, An Lý dịch tiếng Việt

A! như vàng rụng lá trút rơi theo gió, những năm dài như cánh lá vô biên!
Chớp mắt qua như dốc ngậm rượu tiên đượm mật ngọt trong Tây phương đại sảnh,
dưới vòm xanh Varda soãi cánh nơi ngàn sao run rẩy trước giọng người,
thần thánh du dương, uy vệ tốt vời.

Ai sẽ rút đầy chén ta vừa cạn?

Vì Nữ Chúa Ngàn Sao, Varda Người Thấp Sáng, trên đỉnh xa Vĩnh Bạch đã cất tay,
mọi ngã đường chìm trong tối ám bóng mây.
Vùng đất xám dằng dêm trên ngọn sóng chia lìa ta
và rồi cả sương mù đã che khuất ngọc Calacirya mãi mãi.
Tuyệt lối về Valimar, phương Đông ơi! tuyệt lối!
Nay vĩnh biệt! họa may người tìm tới được Valimar.
Họa may người tới được nơi kia. Thời vĩnh biệt!

î ' nî hçû yčā Ŧ Ŧŕ yā Ŧò Ę' . nçû nāč cā nî çŕ Ŧŕ hŕ pçm '
hŕ wŕ çŕ nî cŕ cāñ yčō pçm pçw wŕ cŕ Ŧčā rā hčca pā 9ŕ .
cçl hŕ Ŧñ hŕŕ . pñ 9ŕ çŕ nā cāñ 9ō yñ yŕ Ŧçç Ęčā cçl .
Ŧñ Ŧñ cñ cçca . ĩ hŕ pŕ hŕ :

ā 9ŕ yŕ pā hñ pñ hç çŕñ Ŧ

hŕ nŕ hç cāñ 9ō . hŕŕ . pñ cçl Ŧŕ 9ç . Ŧñ pñ Ŧ hŕ hŕ pñ çŕ pā .
mŕ cŕ pçca hŕ Ŧčā rā hŕ pçā mŕ :
hčā pñ Ŧñ cç pñ Ŧñ cāñ 9čā hç Ŧç pñ
hŕ yŕ çŕ 9çca mŕ pñ hì çŕ cŕ çŕ . Ŧñ . çŕ . yŕ . ì mŕ mŕ :
pçp Ŧŕ hŕ hŕ . Ŧñ . mŕŕ . hčca pçā ā ' pçp Ŧŕ '
nā hŕ pçp ' ĩ mŕ cçl pñ pā pçç hŕ . Ŧñ . mŕŕ :
ĩ mŕ cçl pā pçç nā çç : Ŧŕ hŕ pçp '

Về font chữ và phần mềm

Tài liệu này sử dụng font chữ *Tengwar Telcontar* của Johan Winge^[9] và được biên soạn trên phần mềm soạn thảo văn bản mã nguồn mở LibreOffice bởi font chữ này sử dụng công nghệ font thông minh SIL Graphite. Hiện nay chỉ có một số rất ít phần mềm hỗ trợ công nghệ này như LibreOffice, OpenOffice, trình duyệt Mozilla Firefox, phần mềm biên soạn sách đơn giản SIL Bloom và engine soạn thảo văn bản XeTeX. Do vậy font chữ này không thể hiển thị đúng trên các phần mềm khác.

Tôi không dùng các font như *Tengwar Quenya*, *Tengwar Sindarin*, *Tengwar Annatar*... bởi những font này đều được dựng trên một bảng mã tùy biến vi phạm chuẩn Unicode. Hơn nữa, các font chữ này đều phức tạp và cần có một phần mềm hỗ trợ giúp gõ văn bản thuận tiện hơn. Nhưng hiện nay không có một phần mềm nào như vậy dành cho tiếng Việt bởi đây là một phương pháp viết hoàn toàn mới.

Bên cạnh việc dùng font *Tengwar Telcontar*, tôi cũng dùng một giao diện bàn phím (*keyboard layout*) phát triển bởi Johan Winge^[10] để hỗ trợ gõ chữ. Do font chữ dùng công nghệ thông minh nên giao diện bàn phím này khá đơn giản và dễ sử dụng.

Riêng phần chữ số tôi dùng font *Tengwar Elfica GlaemUnicode* để tăng tính thẩm mỹ.

Tham khảo

1. Tolkien, J. R. R. (2014). Phụ Lục E. *Chúa tể những chiếc Nhẫn: Nhà Vua trở về*. Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam. Nhà xuất bản Văn Học.
2. (2006/08/23). *Âm vị và hệ thống âm vị tiếng Việt*. <http://ngonngu.net/index.php?p=64>
3. (2006/08/27). *Sự thể hiện bằng chữ Quốc ngữ của các âm vị chiết đoạn tiếng Việt*. <http://ngonngu.net/index.php?p=68>
4. Mai Ngọc Chừ et al (2007). *Nhập môn Ngôn ngữ học*. Nhà xuất bản Giáo Dục.
5. Phan Trần Công (2012). *Phát âm theo phương ngữ Nam Bộ – những ưu điểm và hạn chế*. http://www.vns.edu.vn/images/stories/Bai_NCKH/3_PhanTranCong/1_phantrancong.pdf
6. Nguyễn Văn Huệ (2010). *Một số kỹ thuật dạy phát âm tiếng Việt*. http://www.vns.edu.vn/images/stories/Bai_NCKH/19_NguyenVanHue/3_nguyen%20van%20hue.pdf
7. Đinh Lê Thu (1982). *Bàn về âm tắc thanh hầu mở đầu âm tiết tiếng Việt*. http://www.vns.edu.vn/images/stories/Bai_NCKH/33_DinhLeThu/1_dinhlethu.pdf

8. Đinh Lê Thư (1985). *Sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của thể đối lập vô thanh- hữu thanh của các phụ âm đầu trong tiếng Việt*.
http://www.vns.edu.vn/images/stories/Bai_NCKH/33_DinhLeThu/4_dinhlethu.pdf
9. Johan Winge (2009). *Tengwar Telcontar*. <http://freetengwar.sourceforge.net/tengtelc.html>
10. Johan Winge (2009). *Keyboard layout*. <http://freetengwar.sourceforge.net/keylayouts.html>